

Số: ~~1616~~ /QĐ - UBND

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Khuyến học Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khuyến học Hà Nội tại Văn bản số 08/CV-KHHN ngày 24 tháng 02 năm 2016 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Hội Khuyến học Hà Nội và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 603/TTr-SNV ngày 21/3/2016 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ Hội Khuyến học Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Khuyến học Hà Nội đã được Đại hội Hội Khuyến học Hà Nội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2015-2020 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở : Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội Khuyến học Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công, NC, TH; *u*
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ

Hội Khuyến học Hà Nội

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội Khuyến học Hà Nội.
2. Tên tiếng Anh: Hanoi Association For Promoting Education
3. Tên viết tắt Tiếng Anh: HAPE

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khuyến học Hà Nội là tổ chức xã hội, tập hợp tổ chức, công dân Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội, tâm huyết với sự nghiệp "trồng người", góp sức phấn đấu cho phong trào "toàn dân học tập, toàn dân tham gia làm giáo dục", xây dựng thành phố Hà Nội trở thành Thành phố học tập, nhằm góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nguồn nhân tài cho Thủ đô Hà Nội, đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội hiện đặt tại: Phòng 807, tầng 8, Cung Trí thức thành phố Hà Nội, 80 đường Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực khuyến học, khuyến tài, trên phạm vi toàn thành phố Hà Nội.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Không vì mục đích lợi nhuận.
4. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với Điều lệ hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì hội quyết định thành lập pháp nhân và có hồ sơ báo cáo theo quy định với Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ kinh phí trong những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Thành phố giao; được nhận các nguồn tài trợ, giúp đỡ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự

xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hội làm nòng cốt trong việc liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội tham gia hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo đúng quy định của pháp luật.

6. Khuyến khích và hỗ trợ việc dạy và học trong nhà trường. Vận động nhân dân tích cực học tập, học tập suốt đời, quan tâm đến những người nghèo, người khuyết tật không có điều kiện học tập và những người có năng khiếu nhằm nâng cao dân trí, nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp để góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và đất nước.

7. Liên kết, vận động mọi gia đình và tổ chức xã hội, cùng các cơ sở giáo dục và đào tạo góp phần động viên, chăm lo về vật chất và tinh thần đối với các thầy cô giáo, thực hiện sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, học kết hợp với hành, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

8. Thực hiện hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, xử lý kỷ luật với UBND thành phố Hà Nội, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

10. Hàng năm, Hội thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình tổ chức, kết quả hoạt động của Hội với UBND thành phố Hà Nội, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành có liên quan; đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định; đồng thời công khai trong Hội.

11. Thực hiện theo đúng quy định Nhà nước về lập, lưu giữ và quản lý hồ sơ, tài liệu của Hội. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hội danh sách hội viên, chi hội và tổ chức thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội,

các tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo Hội.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội có hội viên chính thức và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức.

a) Các tổ chức, cá nhân Việt Nam đang sinh sống và hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Hội xem xét kết nạp làm hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên chính thức là tổ chức bao gồm:

- Các trung tâm, các câu lạc bộ, các tổ, đội, nhóm... trực thuộc Hội;
- Các Hội Khuyến học quận, huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn (Hội thành viên).

b) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, có công đóng góp với Hội được Hội tôn vinh là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định, các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội. Được tham gia các hội nghị, hội thảo, các lớp bồi dưỡng, hoạt động khoa học do Hội tổ chức.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền lợi như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ và các quy định, quy chế của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục vào, ra Hội; thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên

1. Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành hội viên của Hội gửi đơn xin gia nhập Hội tới Ban Chấp hành Hội để được xem xét kết nạp thành hội viên. Việc kết nạp hội viên do Ban chấp hành Hội xem xét quyết định sau khi có sự đề nghị của Chi hội và được thực hiện tại Chi hội đó.

2. Tổ chức, cá nhân xét thấy không tiếp tục là hội viên của Hội có đơn xin ra khỏi Hội, gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Việc gia nhập Hội và xin ra khỏi Hội của các Hội thành viên phải được sự nhất trí của trên 2/3 hội viên của Hội thành viên và được sự nhất trí bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, Điều lệ và các quy định, quy chế của Hội hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài sản, uy tín của Hội và các hội viên khác, Ban Chấp hành xem xét quyết định xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường

được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Khuyến học, Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại, khen thưởng, kỷ luật của Hội; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật...;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 2 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quy định. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng và các ban chuyên môn

Văn phòng Hội và các Ban chuyên môn là cơ quan giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc Phó Chủ tịch Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội. Văn phòng Hội và các Ban chuyên môn được thành lập và hoạt động theo quy chế làm việc do Ban Chấp hành phê duyệt.

Điều 20. Các tổ chức thuộc Hội

Các tổ chức thuộc Hội bao gồm các hội thành viên, tổ chức pháp nhân và các tổ chức cơ sở thuộc Hội gồm: liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội.

Các tổ chức thuộc Hội hoạt động theo Điều lệ Hội, các quy chế, quy định của Hội và quy định của pháp luật.

Ban Chấp hành có trách nhiệm ban hành quy chế, quy định tổ chức, hoạt động, quản lý các tổ chức thuộc Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ (nếu có), khai trừ ra khỏi Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Khuyến học Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 2/3 tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội gồm 08 Chương 27 Điều, có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn